TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-5-2023
"Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Khêm.

Ông Thạch Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hùng Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2022, về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên toà số: 15/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 14/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thạch Thị Sa N**, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Ng, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh **Thạch Ch**, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Ng, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Trà Vinh- Phòng giao dịch huyện Tiểu Cần.**

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh **Cao Tiến Đ** – Giám đốc Phòng giao dịch huyện Tiểu Cần (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Thạch Thị Sa N trình bày có nội dung: Vào năm 2006, chị xác lập quan hệ vợ chồng với anh Thạch Ch, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 04/5/2006.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có con chung 02 con chung gồm: Cháu Thạch Thị Ánh Ng, sinh ngày 29/10/2008 và cháu Thạch Minh Nh, sinh ngày 08/12/2011, hiện do chị đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Trà Vinh- Phòng giao dịch huyện Tiểu Cần số tiền 50.000.000 đồng vốn gốc và lãi phát sinh, do Ngân hàng không có yêu cầu trả nợ trong vụ án này, nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng sống chung nhau không hòa hợp tính tình, anh Ch không lo làm ăn thường xuyên uống rượu và đánh đập chị nhiều lần, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng. Chị với anh Ch đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay mỗi người một nơi, chị sống tại căn nhà chung của vợ chồng còn anh Ch bỏ đi làm thuê nhiều nơi vài tháng mới về nhà một lần. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh Ch yêu cầu được ly hôn

- Bị đơn anh Thạch Ch vắng mặt không có lời trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Trà Vinh- Phòng giao dịch huyện Tiểu Cần do anh Cao Tiến Đ vắng mặt nhưng có lời khai thể hiện: Do khoản nợ của chị N và anh Chuong chưa đến hạn và hiện tại thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng nên Ngân hàng không yêu cầu khởi kiện chị N và anh Ch trong vụ án này.

Đối với bị đơn anh Ch đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; triệu tập hợp lệ nhưng anh Ch không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa xét xử, nên Tòa án không lấy lời khai của bị đơn được và bị đơn cũng không nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gì để phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị N.

Vì vậy Tòa án không kết luận được những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất và không thống nhất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn anh Ch chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự là vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thạch Thị Sa N được ly hôn với anh Thạch Ch; về con chung: Giao cháu Thạch Thị Ánh Ng, sinh ngày 29/10/2008 và cháu Thạch Minh Nh, sinh ngày 08/12/2011 cho chị Thạch Thị Sa N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ng và cháu Nh muốn sống chung với chị N. Đình chỉ yêu cầu của chị N buộc anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 01 tháng là 1.000.000 đồng; về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Thạch Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Trà Vinh- Phòng giao dịch huyện Tiểu Cần có đơn xin vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N xác lập quan hệ hôn nhân với anh Ch vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 04/5/2006 đúng theo quy định của pháp luật, cho nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

[3] Theo chị N trình bày thì trong thời gian sinh sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng sống chung không hòa hợp tính tình, anh Ch thường xuyên uống rượu rồi vô cớ gây sự nhiều lần đánh chị và dùng nhiều lời lẽ thiếu tôn trọng xúc phạm chị. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng đến nhau mỗi người sống một nơi anh Ch bỏ nhà đi làm thuê nhiều nơi vài tháng mới về nhà một lần. Chị và anh Ch đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay mỗi người sống một nơi mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án đã triệu tập anh Ch đến giải quyết vụ án nhưng anh cố tình vắng mặt không có lý do, đáng lẽ ra anh muốn hàn gắn tình cảm với chị N thì khi Tòa án triệu tập anh phải có

mặt để trình bày nguyện vọng của mình để Tòa án xem xét, nhưng ngược lại anh bỏ mặc, không quan tâm đến việc giải quyết vụ án thể hiện ý chí của anh xem thường, không chấp hành yêu cầu của Tòa án cũng như không quan tâm đến việc hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này với chị N. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị N yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Cháu Thạch Thị Ánh Ng, sinh ngày 29/10/2008 và cháu Thạch Minh Nh, sinh ngày 08/12/2011 hiện đang sống chung với chị N được đi học và phát triển đầy đủ về mọi mặt, cháu Ng và cháu Nh có nguyện vọng sống chung với chị N. Để đảm bảo các cháu được tiếp tục đi học, phát triển về mọi mặt và cũng không làm xáo trộn cuộc sống của 02 cháu, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 cháu, là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ng và cháu Nh.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện chị yêu cầu anh Ch nuôi con mỗi cháu 01 tháng là 1.000.000 đồng cho khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên toà hôm nay chị xin rút yêu cầu cấp dưỡng, việc rút yêu cầu của chị nằm trong phạm vi pháp luật cho phép phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng.

[6] Về tài sản chung: Chị N yêu cầu tự thỏa thuận, đối với anh Ch thì không có ý kiến gì phản đối, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị N, anh Ch và Ngân hàng không không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[9] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Ch không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Sa N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thạch Thị Sa N được ly hôn với anh Thạch Ch.

2. Về con chung: Giao cháu Thạch Thị Ánh Ng, sinh ngày 29/10/2008 và cháu Thạch Minh Nh, sinh ngày 08/12/2011 cho chị Thạch Thị Sa N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ng và cháu Nh muốn sống chung với chị N.

3. Đình chỉ yêu cầu của chị Thạch Thị Sa N buộc anh Thạch Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu một tháng là 1.000.000 đồng.

Chị N được quyền yêu cầu khởi kiện lại về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về tài sản chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thạch Thị Sa N phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011618, ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần; chị N đã nộp đủ án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Ủy ban nhân dân xã Ngãi Hùng (chứng nhận kết hôn ngày 04/5/2006);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân